

Số:747/TB-BVPB

Phú Bình, ngày 9 tháng 8 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình. Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Hương Sơn – huyện Phú Bình– tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Dược sỹ: Trần Việt Cường – Khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình.

- Số điện thoại: 0967951245

- Email: dscuongbvpb@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua Văn thư – Phòng Tổ chức – hành chính Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình

- Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Hương Sơn – huyện Phú Bình– tỉnh Thái Nguyên.

- Email: bvdphubinh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17giờ 00 phút ngày 9 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h ngày 19 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá theo phụ lục 01 đính kèm.



2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình – Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Hương Sơn – huyện Phú Bình– tỉnh Thái Nguyên

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt, trong vòng 5 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không thực hiện.

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Phương thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản

- Thanh toán nhiều lần trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi Nhà thầu bàn giao hàng hóa và hóa đơn tài chính. Trong thời hạn thanh toán, nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư hoàn thành hồ sơ thanh toán theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác.

Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị do các đơn vị chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình, kính đề nghị các đơn vị nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo đúng các hướng dẫn, yêu cầu tại phụ lục 2 đính kèm thông báo này. Các báo giá không cung cấp đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục 2 thì Bệnh viện không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét, quyết định.

Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình rất mong nhận được báo giá, cấu hình, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp và cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Chí Kiên

Phụ lục 01

(Kèm theo Thông báo số: 747/TB-BVPB ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
Phần 1. Vật tư xét nghiệm cho máy phân tích huyết học tự động (02 mặt hàng)				
1	Dung dịch ly giải hồng cầu	Thành phần: Organic quaternary ammonium salt $\geq 8,5\text{g/L}$ và sodium chloride $\geq 0.6\text{g/L}$. Quy cách: Lọ: $\geq 500\text{ml}$	Lọ	15
2	Dung dịch pha loãng	Thành phần: Sodium Chloride $\geq 6.38\text{ g/L}$, Boric Acid $\geq 1\text{ g/L}$, Sodium Tetraborate $\geq 0.2\text{ g/L}$, EDTA-2K $\geq 0.2\text{ g/L}$ Thùng: $\geq 20\text{ lít}$	Thùng	12
Phần 2. Vật tư xét nghiệm cho máy sinh hóa (10 mặt hàng)				
3	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Nồng độ và hoạt tính của các thành phần cụ thể theo từng lô. Hộp: $\geq 3\text{ml}$	Hộp	8
4	Dung dịch rửa máy	Thuốc thử: Sodium hydroxide $< 5\%$ Non-ionic stabilizer $< 0.1\%$. Lọ $\geq 2000\text{ml}$	Lọ	6

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
5	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Thành phần: Goods buffer pH 6.8 $\geq$ 100.0 mmol/l cholesterol esterase $\geq$ 500 U/l cholesterol oxidase $\geq$ 800 U/l phenol $\geq$ 20.0 mmol/l peroxidase $\geq$ 2500 U/l 4-aminophenazone $\geq$ 1.6 mmol/l Hộp: $\geq$ 639mL	Hộp	2
6	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	Thành phần: R1 Buffer: Imidazol pH 6.7 $\geq$ 100 mmol/L Glucose $\geq$ 20 mmol/L Magnesium acetate $\geq$ 10 mmol/L EDTA $\geq$ 2 mmol/L R2 Anti CK-M: *Anti CK-M $\geq$ 2000 U/L ADP $\geq$ 2 mmol/L AMP $\geq$ 5 mmol/L đi-Adenosine-5- pentaphosphate $\geq$ 10 mmol/L NADP+ $\geq$ 2 mmol/L Hexoquinase (HK) $\geq$ 2500 U/L Glucosa-6-phosphate deshydrogenase $\geq$ 1500 U/L N-acetylcysteine $\geq$ 20 mmol/L Creatinine phosphate $\geq$ 30 mmol/L Hộp: (R1: $\geq$ 40mL/ R2: $\geq$ 10mL)	Hộp	1
7	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Thành phần: R1: Litium hydroxide $\geq$ 120.0 mmol/l Boric acid $\geq$ 80.0 mmol/l R2: Picric acid $\geq$ 67.0 mmol/l Hộp: (R1: $\geq$ 280mL/ R2: $\geq$ 280mL)	Hộp	6

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
8	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Thành phần: Phosphate buffer pH 7.4 $\geq$ 100.0 mmol/l Phenol $\geq$ 9.0 mmol/l GOD $\geq$ 25000 U/l POD $\geq$ 1500 U/l 4-aminophenazone $\geq$ 2.3 mmol/l Hộp: $\geq$ 630mL	Hộp	5
9	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol	Thành phần: R1: Goods buffer pH 6.6 $\geq$ 100.0 mmol/l cholesterol esterase $\geq$ 800 U/l cholesterol oxidase $\geq$ 500 U/l catalase $\geq$ 300 kU/l HDAOS $\geq$ 0.7 mmol/l R2: Goods buffer pH 7.0 $\geq$ 100.0 mmol/l peroxidase $\geq$ 4 kU/l 4-aminoantipirine $\geq$ 4.0 mmol/l Hộp: (R1: $\geq$ 120mL/ R2: $\geq$ 44mL)	Hộp	1
10	Hóa chất xét nghiệm LDL-Cholesterol	Thành phần: R1: Pipes buffer pH 7.0 $\geq$ 50.0 mmol/l cholesterol esterase $\geq$ 800 U/l cholesterol oxidase $\geq$ 500 U/l catalase $\geq$ 300 kU/l TOOS $\geq$ 2.0 mmol/l R2: Goods buffer pH 7.0 $\geq$ 50.0 mmol peroxidase $\geq$ 4 KU/l 4-aminoantipirine $\geq$ 4.0 mmol/l Hộp: (R1: $\geq$ 59mL/ R2: $\geq$ 22mL)	Hộp	3

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
11	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Thành phần: PIPES buffer ≥ 100.0 mmol/l phenol ≥ 16.0 mmol/l lipoproteinlipase ≥ 4000 U/l glycerolkinase ≥ 2000 U/l peroxidase ≥ 2500 U/l ATP ≥ 0.8 mmol/l 4-aminophenazone ≥ 1.4 mmol/l glycerol-3-P-oxidase ≥ 2000 U/l Hộp: ≥ 630 mL	Hộp	1
12	Hóa chất xét nghiệm Urea	Thành phần: R1: Goods buffer pH 7.6 ≥ 130.0 mmol/l ADP ≥ 1.2 mmol/l Urease ≥ 8000 U/l GLDH ≥ 1500 U/l R2: Goods buffer pH 10.2 ≥ 100.0 mmol/l alpha-ketoglutarate ≥ 65.0 mmol/l NADH ≥ 1.20 mmol/l Hộp: (R1: ≥ 504 mL/ R2: ≥ 146 mL)	Hộp	2
Phần 3: Vật tư y tế (27 mặt hàng)				
13	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G	Cái	20.400
14	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G	Cái	20.000
15	Bột Tal	Bao 15kg	Gam	5
16	Chỉ tan đơn sợi Catgut số 1/0	Chỉ tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 1/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	Sợi	120

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
17	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 1	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C.	Sợi	120
18	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 2/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C	Sợi	120
19	Cồn 70 độ (chai ≥ 500 ml)	Nồng độ Ethanol 70 độ. Chai ≥ 500 ml	Chai	240
20	Đầu cùn xanh	Đảm bảo vô khuẩn, trong suốt.	Cái	1.000
21	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao (can ≥ 5 lít)	Thành phần Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH= 7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2). Vi khuẩn: EN 14561. Nấm mốc: EN 14562. Mycobacterium (trực khuẩn lao): EN 14563. Tặng kèm test thử. Can ≥ 5 lít	Can	2
22	Dung dịch rửa tay phẫu thuật (chai ≥ 500 ml)	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlohexidine digluconate 2%. Chai ≥ 500 ml	Chai	15
23	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ (chai ≥ 1000 ml)	Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa. Chai ≥ 1000 ml	Chai	2
24	Dung dịch tẩy rửa Javen	Thành phần: NaClO+NaCl+H ₂ O, có tính oxy hóa mạnh, dùng để tẩy rửa. Nồng độ 7-9%	Lít	90
25	Găng khám	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên. Không tiết trùng, có bột. Size: S, M.	Đôi	15.000
26	Gel siêu âm (can ≥ 5 lít)	Can ≥ 5 lít	Can	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
27	Giấy in Siêu âm 110mm × 20m	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Kích thước 110mm × 20m.	Cuộn	20
28	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim dạng vĩ, vô trùng. Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần các cỡ, đường kính thân kim: 0.16 mm-0.45 mm, độ dài thân kim : 13 mm-75 mm	Cái	80.000
29	Kim gây tê tủy sống các số	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén. Số 25-27	Cái	100
30	Lưỡi dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Mỗi lưỡi được đóng trong 1 túi nhôm, được tiết trùng bằng tia Gamma	Cái	300
31	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc	Ống	7.200
32	Ống nội khí quản các số (có cowf)	Có bóng chèn các số. Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Có 2 vạch căn quang đánh dấu trên Cuff giúp xác định vị trí của ống trong khí quản.	Cái	50
33	Phim X- Quang nhiệt cho máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương (25x 30cm)	Phim nhiệt khô cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, nền phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.	Tờ	2.000
34	Phin lọc khí dùng cho máy chạy thận nhân tạo	- Chất liệu vỏ màng: PVC - Màng: PTFE - Tiết trùng: ETO - Màng kỵ nước PTFE, kích thước lỗ 0,2 micro mét - Bộ lọc không khí kháng khuẩn, kỵ nước với khóa luer nữ/ nam luer lock, rào chắn bảo vệ kỵ nước chỉ không khí vô trùng đi qua, bảo vệ bệnh nhân và thiết bị khỏi ô nhiễm chéo - Tốc độ nước tối thiểu: PTFE 1.1 bar/ 30 giây. pH ≤ 1,5 ml.	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
35	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	Que	7.000
36	Test thử HbsAg	Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100%	Test	200
37	Test thử HIV	- Độ nhạy: $\geq 99.78\%$ với mẫu huyết tương $\geq 99.84\%$ với mẫu huyết thanh $\geq 99.01\%$ với mẫu máu toàn phần phân tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch - Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần $\geq 99.92\%$ với mẫu huyết thanh.	Test	300
38	Test thử thai	- Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Độ nhạy tương quan: 100% , Độ đặc hiệu tương quan: 100%	Test	200
39	Vật liệu cầm máu	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 10 x 20cm	Miếng	10
Cộng: 39 mặt hàng				

Phụ lục 02

Báo giá hàng hóa và dịch vụ liên quan

(Kèm theo Thông báo số:747/TB-BVPB ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
 - Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.